



DONGYANG
CHIEN THANG ELEVATOR



DONGYANG
CHIEN THANG ELEVATOR

CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY DONG YANG CHIẾN THẮNG

Địa chỉ: Số 3, Ngõ 2, Đường 2, Xóm Trại, Thôn Thượng Thanh, Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai, Tp Hà Nội.

Nhà máy sản xuất: Cụm Công Nghiệp Thanh Oai, Xã Bích Hòa, Huyện Thanh Oai, Tp Hà Nội.

Điện thoại: 0936223545

Email: ev.ctvn@gmail.com

Mã số thuế: 0109303235

THANG MÁY DONG YANG CHIẾN THẮNG

C A T A L O G U E

CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY DONG YANG CHIẾN THẮNG

Lời đầu tiên, Công ty Cổ Phần Thang Máy Dong Yang Chiến Thắng kính gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và lời cảm ơn chân thành đến những quý khách hàng đã, đang quan tâm, gần bó và dành tình cảm ưu ái cho công ty chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Kính thưa quý khách hàng, Công ty Cổ Phần Thang Máy Dong Yang Chiến Thắng là một doanh nghiệp chuyên cung cấp, lắp đặt, vận hành, bảo hành và bảo dưỡng, bảo trì thang máy tải khách, thang máy gia đình, thang homelift, thang tải hàng, thang thực phẩm, thang bệnh viện và thang tải hàng kèm người. Với đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên chuyên nghiệp, sáng tạo và nhiều năm kinh nghiệm. Chúng tôi không ngừng nâng cao những tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn và thẩm mỹ trong quá trình lắp đặt và bảo trì, bảo dưỡng thang máy. Nhờ đó, Thang Máy Dong Yang Chiến Thắng dần khẳng định vị thế, thương hiệu thang máy uy tín dẫn đầu trong ngành thang máy tại Việt Nam.

Công ty Cổ Phần Thang Máy Dong Yang Chiến Thắng hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng và mong có cơ hội cung cấp sản phẩm dịch vụ cho quý đối tác nhà phân phối. Chúng tôi cam kết hoàn thành công trình với chất lượng cao nhất về cả kỹ thuật, mỹ thuật, độ an toàn.

Một lần nữa Công ty Cổ Phần Thang Máy Dong Yang Chiến Thắng kính chúc Quý khách hàng lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn!

DONGYANG
CHIEN THANG ELEVATOR

Tên giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN THANG MÁY DONG YANG CHIẾN THẮNG

Địa chỉ

Số 3, Ngõ 2, Đường 2, Xóm Trại, Thôn Thượng Thanh,
Xã Thanh Cao, Huyện Thanh Oai, Tp Hà Nội

Nhà máy sản xuất

Cụm Công Nghiệp Thanh Oai, Xã Bích Hòa,
Huyện Thanh Oai, Tp Hà Nội

Điện thoại

0936.223.545

Email

ev.ctvn@gmail.com

Mã số thuế

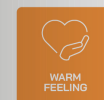
0109303235

DYCT-01

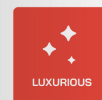
Natural Brown (Color panel made in Korea)

The delicate design is inspired by the dominant brown color, evoking a natural feeling close to nature.

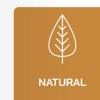
Thiết kế tinh tế được lấy cảm hứng từ màu nâu đất chủ đạo, gợi nên cảm giác mộc mạc gần gũi với thiên nhiên.



WARM
FEELING



LUXURIOUS



NATURAL



Car Ceiling	C080	Rear Wall	Mirror STS + VP037 (mid)
Car Door	VP037	Flooring	GR01B
Front Wall	Hairline STS	Handrails	HR-012
Side Walls	VP037 + Mirror STS	COP	DYCT-COP-INS-7-DM

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

DYCT-02

Cool Black (Color panel made in Korea)

The harmonious combination of cool colors running from the ceiling to the cabin floor brings a simple design, creating a striking modern style.

Sự kết hợp hài hòa giữa các gam màu lạnh chạy xuyên suốt từ trần đến sàn cabin mang đến thiết kế đơn giản, tạo sự nổi bật phong cách hiện đại đẳng cấp.



Car Ceiling	C080	Rear Wall	IPA01 + Mirror STS (mid)
Car Door	IPA01	Flooring	GR04A
Front Wall	Hairline STS	Handrails	HR-012
Side Walls	Hairline STS + IPA01 + Mirror STS	COP	DYCT-COP-INS-7-DM

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

DYCT-03

Bronze Gold (Color panel made in Korea)

Using new materials with bronze gold as the main color, minimizing details to highlight the warm colors to create impressive accents in the design style.

Sử dụng vật liệu mới với màu nâu đồng làm chủ đạo, tối giản các chi tiết nhằm tôn lên gam màu ấm tạo điểm nhấn ấn tượng trong phong cách thiết kế.



Car Ceiling	C075	Rear Wall	Ceramic Metal - Bronze Gold + HL STS (mid)
Car Door	Ceramic Metal - Bronze Gold	Flooring	GR02C
Front Wall	Ceramic Metal - Bronze Gold	Handrails	HR-012
Side Walls	Ceramic Metal - Bronze Gold	COP	DYCT-COP-INS-7-DM

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

DYCT-04

Modern Grey (Color panel made in Korea)

Modern style comes from simplicity in design and combination with characteristic mono colors.

Phong cách hiện đại đến từ sự đơn giản trong thiết kế cùng sự kết hợp với gam màu đơn sắc đặc trưng.



Car Ceiling	Special Design	Handrails	HR-013
Car Door	Ceramic Metal - Modern Grey	COP	DYCT-COP-INS-7-DM
Walls	Ceramic Metal - Modern Grey	HCOP	4.3", Insert, HL STS
Flooring	Binh Dinh Yellow Granite		

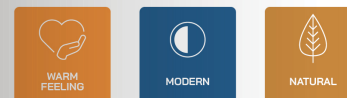
* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

DYCT-05

Modern Brown (Color panel made in Korea)

The appearance of pattern brings a new and creative space and is the most artistic point for luxurious designs.

Sự xuất hiện các họa tiết mang đến không gian mới lạ đầy sáng tạo và là điểm nhấn nghệ thuật cho các thiết kế sang trọng.



Car Ceiling	C046	Rear Wall	V-Glossy Bronze + Mirror STS (mid)
Car Door	Etched Mirror STS	Flooring	GR04B
Front Wall	V-Glossy Bronze	Handrails	HR-012
Side Walls	V-Glossy Bronze	COP	DYCT-COP-INS-7-DM

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

DYCT-06

Shiny Black (Color panel made in Korea)

The design is simple but no less delicate, suitable for modern minimalist lifestyle.

Thiết kế đơn giản nhưng không kém phần tinh tế, phù hợp với phong cách sống tối giản hiện đại.



Car Ceiling	C076	Rear Wall	Mirror STS + V-Glossy Sepia Black w. Laser Marking (mid)
Car Door	V-Glossy Sepia Black	Flooring	GR04E
Front Wall	Mirror STS	Handrails	HR-012
Side Walls	V-Glossy Sepia Black	COP	DYCT-COP-INS-7-DM

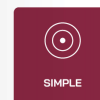
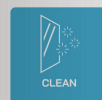
* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

DYCT-07

Simple Stainless Steel 01

Monochrome space with typical cold metallic colors, combined with white light from the cabin ceiling creates overall harmony.

Không gian đơn sắc với gam màu lạnh kim loại đặc trưng, kết hợp ánh sáng trắng từ trần cabin tạo nên sự hài hòa về tổng thể.



Car Ceiling	C038	Rear Wall	Hairline STS
Car Door	Hairline STS	Flooring	GR03C
Front Wall	Hairline STS	Handrails	HR-012
Side Walls	Hairline STS	COP	DYCT-COP-INS-7-DM

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

DYCT-08

Simple Stainless Steel 02

The creative combination of stainless steel hairline and stainless steel mirror, brings an outstanding open space experience with full of light.

Sự kết hợp sáng tạo giữa inox sọc và inox gương, mang đến trải nghiệm không gian thoáng vượt trội cùng với ánh sáng tràn ngập.



Car Ceiling	C075	Rear Wall	Hairline STS + Mirror STS (mid)
Car Door	Hairline STS	Flooring	GR03C
Front Wall	Hairline STS	Handrails	HR-012
Side Walls	Hairline STS + Mirror STS (mid)	COP	DYCT-COP-INS-7-DM

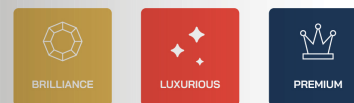
* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

DYCT-09

Shiny Gold

The level of living space is clearly shown through the luxurious gold design with delicate textures and lines. Always satisfy the highest requirements from customers.

Đẳng cấp không gian sống được thể hiện rõ rệt qua mẫu thiết kế vàng sang trọng cùng những họa tiết, đường nét tinh tế. Luôn thỏa mãn được những yêu cầu cao nhất từ phía khách hàng.



Car Ceiling	C014	Rear Wall	Etched Mirror STS TI Gold + Mirror STS (mid)
Car Door	Etched Hairline STS TI Gold	Flooring	GR03D
Front Wall	Mirror STS TI Gold	Handrails	HR-009
Side Walls	Etched Mirror STS TI Gold + Mirror STS (mid)	COP	DYCT-COP-INS-7-LCD

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

DYCT-10

Champagne Gold

A great combination between the two styles of luxury and minimalism, is the first choice for high-class project. Sự kết hợp tuyệt vời giữa hai trường phái sang trọng và tối giản, là sự lựa chọn hàng đầu cho những công trình mang tính đẳng cấp.



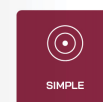
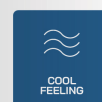
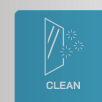
Car Ceiling	C029	Rear Wall	MR STS CG + HL STS CG (mid)
Car Door	HL STS Champagne Gold	Flooring	Marble
Front Wall	HL STS Champagne Gold	Handrails	HR-014
Side Walls	HL STS CG + MR STS CG (mid)	COP	DYCT-18.5-TCM-H

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

DYCT-11

Cool Panorama

Connecting the inside and outside, the space is now more open than ever with the Zeit observation elevator. The monochromatic metallic color gives it a sturdy feel but still retains the inherent modernity of this impressive design. Kết nối giữa bên trong và ngoài, không gian giờ đây trở nên rộng mở hơn bao giờ hết với thang quan sát Zeit. Màu kim loại đơn sắc mang lại cảm giác cứng cáp nhưng vẫn giữ được nét hiện đại vốn có của mẫu thiết kế ấn tượng này.



Car Ceiling	Special Design	Flooring	Marble
Car Door (Through Type)	Mirror STS + Observation Glass	Handrails	HR-012M
Front Wall	Mirror STS	COP	DYCT-18.5-TCM-H
Side Walls	Mirror STS + Observation Glass		18.5" Touch COP

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

DYCT-12

Premium Panorama

Covering the entire rear space with a luxurious and delicate design with the main gold color, bringing a sense of luxury living class.

Bao quát trọn vẹn không gian phía sau cùng với thiết kế tinh tế sang trọng với màu vàng chủ đạo, mang đến sự cảm nhận đẳng cấp sống xa hoa.

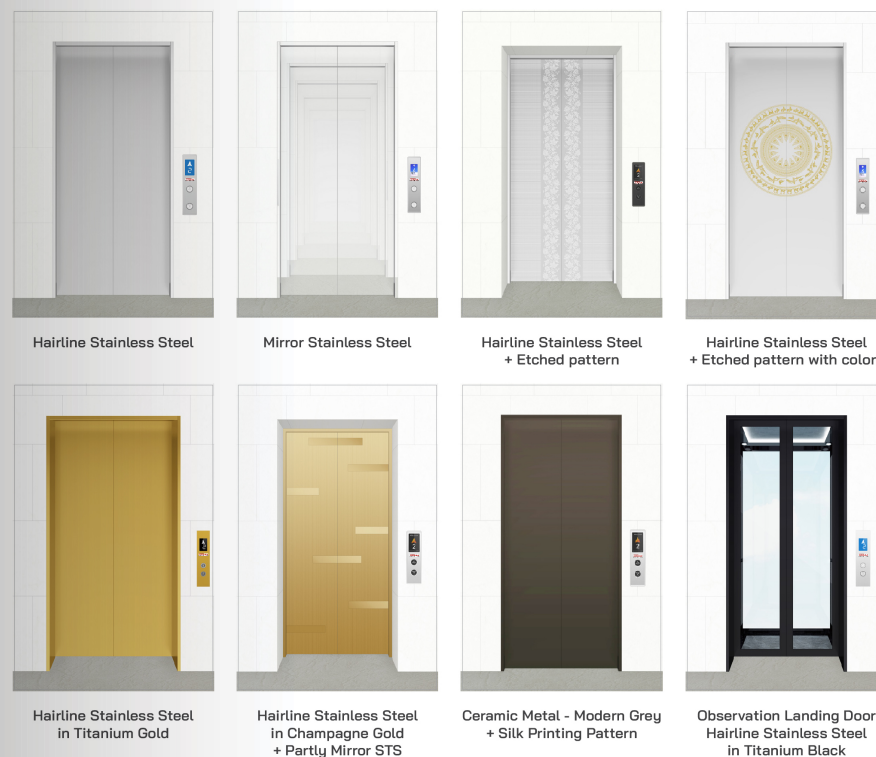


Car Ceiling	Special Design	Rear Wall	HL STS Champagne Gold + Observation Glass
Car Door	Etched HL STS Champagne Gold	Flooring	GR04D
Front Wall	HL STS Champagne Gold	Handrails	HR-012
Side Walls	Etched HL STS Champagne Gold + MR STS (mid)	COP	INT-18.5-TCM-H

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.



Landing Door Model Các mẫu cửa tầng



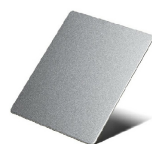
* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.



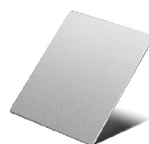
Hairline STS



Mirror STS



Sandblasted STS



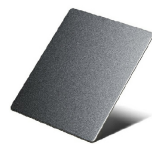
Vibration STS



Hairline STS
in Titanium Black



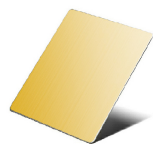
Mirror STS
in Titanium Black



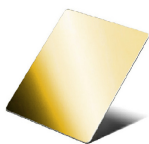
Sandblasted STS
in Titanium Black



Ceramic Metal
Bronze Gold



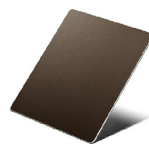
Hairline STS
in Titanium Gold



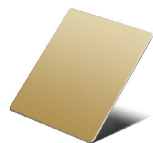
Mirror STS
in Titanium Gold



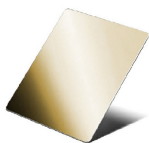
Sandblasted STS
in Titanium Gold



Ceramic Metal
Modern Grey



Hairline STS
in Champagne Gold



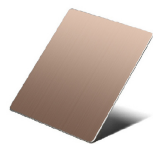
Mirror STS
in Champagne Gold



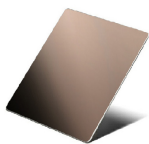
Sandblasted STS
in Champagne Gold



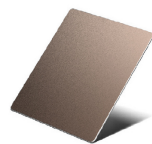
Tempered Glass



Hairline STS
in Bronze Gold



Mirror STS
in Bronze Gold



Sandblasted STS
in Bronze Gold

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.



DYCT-012

Round, Hairline STS



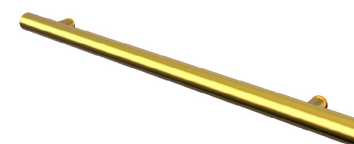
DYCT-012M

Round, Mirror STS



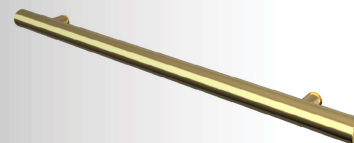
DYCT-009

Round, Mirror STS + Vinyl Film



DYCT-013

Round, Hairline STS in Titanium Gold



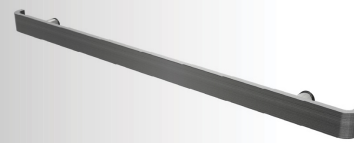
DYCT-014

Round, Mirror STS in Champagne Gold



DYCT-015

Round, Mirror STS in Champagne Gold
+ Vinyl Film



DYCT-017

Plate, Hairline Stainless Steel



Anti-virus Handrail

Round, Sandblasted STS
+ Wooden finish with Anti-virus coating

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

Granite flooring Sàn đá hoa cương



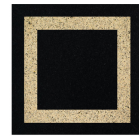
GR01A



GR01B



GR01C



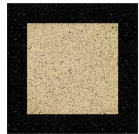
GR02A



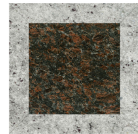
GR02B



GR02C



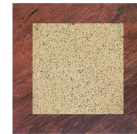
GR03A



GR03B



GR03C



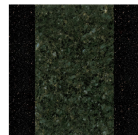
GR03D



GR04A



GR04B



GR04C



GR04D



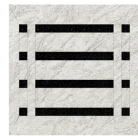
GR05A



GR05B



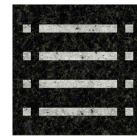
GR05C



GR06A



GR06B



GR06C



GR07A



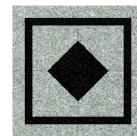
GR07B



GR07C



GR08A



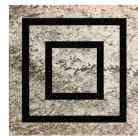
GR08B



GR08C



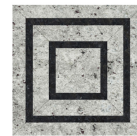
GR09A



GR09B



GR09C



GR09D

Ceiling Trần thang máy



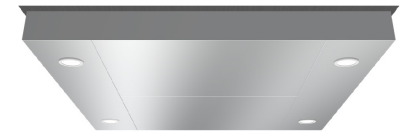
C037 | Mirror Stainless Steel in Black Titanium
+ Indirect LED Light + LED Downlight



C038 | Hairline Stainless Steel
+ LED Panel + LED Downlight
Emergency Trap door is available



C046 | MR STS + CM-Modern Grey + LED Downlight
Emergency Trap door is available



C080 | Mirror Stainless Steel + LED Downlight
Emergency Trap door is available



C041 | Hairline STS in Champagne + LED Panel
Emergency Trap door is available



C042 | Mirror STS in Ti Black + Sandblasted STS in Ti Black
+ Indirect LED Light + LED Downlight



C027 | Hairline STS + LED Panel



C028 | Hairline STS in Champagne Gold + LED Panel



C075 | Mirror Stainless Steel
+ LED Panel + LED Downlight



C036 | Mirror STS in Ti Gold + Sandblasted STS in Ti Gold
+ Indirect LED Light + LED Downlight

Trap door is available in some ceiling type. Please contact our Sales representative for more detail and material selection.
Cửa thoát hiểm có sẵn trong một số loại trần. Vui lòng liên hệ với bộ phận bán hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết và lựa chọn vật liệu.

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

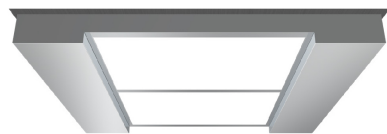
* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.



C029 | Mirror Stainless Steel
+ LED Panel + LED Downlight



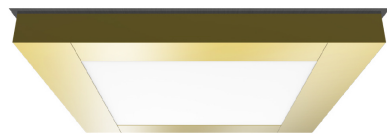
C074 | Mirror STS + Sandblasted STS
+ Indirect LED Light + LED Downlight



C030 | Mirror STS + LED Panel + LED Downlight
Emergency Trap door is available



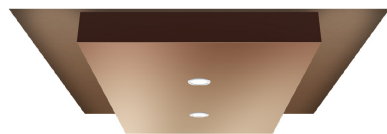
C076 | Mirror STS + LED Panel + LED Downlight
Emergency Trap door is available



C023 | Mirror STS in Champagne Gold + LED Panel
Emergency Trap door is available



C024 | MR STS in Bronze Gold + HL STS in Cham. Gold
+ Indirect LED Light + LED Downlight



C026 | Mirror STS in Bronze Gold
+ Sandblasted STS in Bronze Gold
+ Indirect LED Light + LED Downlight



C014A | Mirror Stainless Steel + LED Panel

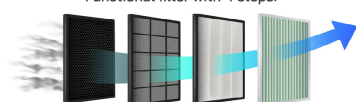


C016 | Mirror STS
+ Hairline STS in Bronze Gold
+ Sandblasted STS in Bronze Gold
+ Indirect LED Light + LED Downlight



C074 (Optional) | Mirror STS + Sandblasted STS
+ Indirect LED Light + LED Downlight
+ Air Purifier + UVC Lamp System

Functional filter with 4 steps:



* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

Insert Dạng gài



COP-INS-7-DM(W)
COP-INS-7-LCD

Face Panel:
HL/MR STS
Display:
Dot Matrix/LCD 7"
Button: KB01



INS-5B-H

Face Panel:
HL/MR STS
Display:
Single Color 5.7"
Button: KB01



HCOP-INS-7-DM(W)
HCOP-INS-7-LCD

Face Panel:
HL/MR STS
Display:
Dot Matrix/LCD 7"
Button: KB01

Integrated Dạng liền vách



COP-INT-7-DM(W)
COP-INT-7-LCD

Face Panel:
Wall material
Display:
True Color 10.1"
Button: GB04TR



INT-10.1-TC-H

Face Panel:
Wall material
Display:
True Color 10.1"
Button: GB04TR



INT-10.4-TCM-H

Face Panel:
Wall material
Display:
TC Media 10.4"
Button: GB04TR



INT-12.1-TCM-H

Face Panel:
Wall material
Display:
TC Media 12.1"
Button: GB04TR



INT-18.5-TCM-H

Face Panel:
Wall material
Display:
TC Media 18.5"
Button: GB04TR



(*) Note: COP/LIOP Card reader is optional.
Please contact our Sales representative for more detail and material selection.

(*) Lưu ý: Đầu đọc thẻ cho Bảng điều khiển cabin/ Bảng gọi tầng là tùy chọn. Vui lòng liên hệ với bộ phận bán hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết và lựa chọn vật liệu.

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

Landing Indicator Operation Panel Bảng gọi thang

Mounted Dạng lắp nổi



L03G/CL12G

Face Panel:
HL/MR STS w. Chrome Frame (L03G)
HL/MR STS Ti Black w. Black Mat Frame (CL12G)
Display: True Color 4.3" LCD
Button: GB01TR



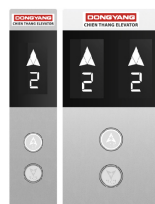
4.3-SC/TC-H/HB

Face Panel:
HL/MR STS (H)
or HL/MR STS Ti Black (HB)
Display:
Single Color 4.3" (SC)
True Color 4.3" (TC)
Button: GB04TR



FA04CL01S043

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
Display:
Single Color 4.3"
Button: GB04TR



FA16CL

Face Panel:
Sandblasted STS
Display:
Single Color 4.3"
Button: GB04TR



MOU-SEG/LCD (S)

Face Panel:
Hairline
Display:
SEG/LCD 4.3"
Button: DB10



MOU-SEG/LCD (B)

Face Panel:
Mirror Ti Black
Display:
SEG/LCD 4.3"
Button: R38E

Insert Dạng gắn



LIOP-INS-DM/SEG/LCD (Simplex)
LIOP-INS-DM/SEG/LCD-2 (Duplex)

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
Button: KB01



Display:
TC/SC/DM 4.3"



HB-INS-01

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
Button: KB01

Button Lựa chọn nút bấm



GB01TR
HL STS Ti Black w. Braille,
Circle:
Metal, Sandblasted Ti Black,
White / Blue Light



GB04TR
HL STS w. Braille,
Circle:
Plastic, Metal Color,
White Light



KB01
Sandblasted STS w. Braille,
Circle:
Metal, STS,
White Light, 1M life time



DB10
HL STS w. Braille,
Circle:
Plastic, Metal Color,
White Light



GB21TR
Sandblasted STS
w. Braille,
Circle:
Metal, MR STS,
White Light



R38E
HL STS w. Braille,
Circle:
Plastic, Black Color,
White Light

Landing Hall Lantern Đèn báo tầng/báo chiều



HPI-INS-7-LCD

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
Display:
TC/DM 7" LCD



HIN with 4.3 TFT LCD

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
Display:
True Color 4.3" LCD



FA01CH

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
+ Acrylic



FA03CH

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
+ Acrylic



FA18EH

Face Panel:
Hairline/Mirror STS
+ Acrylic

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

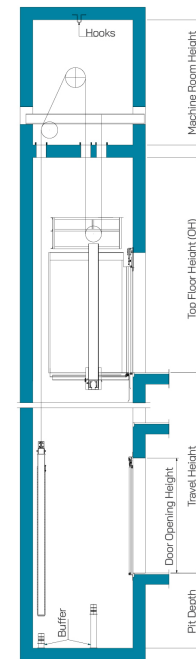
Elevator has machine room (Rear Counterweight) Thang Máy có phòng máy (Đổi trọng sau)

Load (kg)	Speed (m/s)	Central Open Width (mm)	Door Height (mm)	Car Size (mm) WxDxH	Shaft size (mm) WxD	OH Min (mm)	Pit Min (mm)	Max Travel Height (m)	Motor Rated Power (kW)	Rated current (A)
450kg	1.0	700	2100	1100x1100x2500	1700x1750	4150	1300	50	3.0	8.5
	1.5					4250	1400	80	4.5	13
	1.75					4350	1450	80	5.3	13
630kg	1.0	800	2100	1400x1100x2500	1900x1750	4150	1300	50	4.3	11
	1.5					4250	1400	80	6.4	16.5
	1.75					4350	1450	80	7.4	16.5
800kg	1.0	800	2100	1400x1350x2500	1900x2000	4150	1300	50	5.3	12
	1.5					4250	1400	80	8	21
	1.75					4350	1450	80	9.3	21
1000kg	1.0	900	2100	1600x1400x2500	2100x2050	4150	1300	50	6.6	15
	1.5					4250	1400	80	10	25
	1.75					4350	1450	80	11.6	27
	2.0					4450	1550	100	13.6	31
	2.5					4700	1700	120	16.7	39.8
	2.5					4150	1300	50	7.7	18.2
1150kg	1.0	1000	2100	1800x1400x2500	2300x2050	4250	1400	80	11.5	28.4
	1.5					4350	1450	80	13.5	32.2
	1.75					4450	1550	100	15.4	36
	2.0			1600x1600x2500	2300x2250	4700	1700	120	19.2	47
	2.5					4150	1300	50	8.4	20
	2.5					4250	1400	80	12.5	30.6
1250kg	1.0	1000	2100	1950x1400x2500	2500x2050	4350	1450	80	14.6	33.5
	1.5					4450	1550	100	16.7	38.6
	1.75					4700	1700	120	20.8	48
	2.0			1700x1600x2500	2300x2250	4150	1300	50	9.3	22
	2.5					4250	1400	80	14	38
	2.5					4350	1450	80	16.4	40
1350kg	1.0	1100	2100	1950x1500x2500	2500x2150	4450	1550	100	18	43
	1.5					4700	1700	120	22.6	51.8
	1.75					4150	1300	50	11.1	26
	2.0			1800x1600x2500	2450x2250	4250	1400	80	16.6	45
	2.5					4350	1450	80	19.4	47
	2.5					4450	1550	100	21.4	51
1600kg	1.0	1100	2100	1950x1750x2500	2500x2500	4700	1700	120	26.7	62.5
	1.5					4150	1300	50	11.1	26
	1.75					4250	1400	80	16.6	45
	2.0					4350	1450	80	19.4	47
	2.5					4450	1550	100	21.4	51
	2.5					4700	1700	120	26.7	62.5
1800kg	1.0	1200	2100	2150x1800x2500	2750x2600	4600	1500	50	13.3	29
	1.5					4700	1550	80	20	50
	1.75					4800	1650	80	23.3	50
	2.0					4850	1700	100	26.6	57
	2.5					5100	1850	120	34.5	75
	2.5									

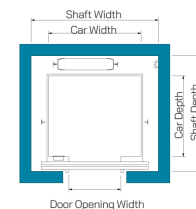
(*) H: Floor to Ceiling
H: từ Sàn tới Trần giả

TCVN 6396-20 / EN 81-20

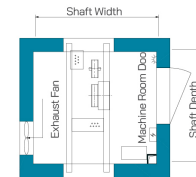
- (*) Note:
• Machine Room Height: 2500mm
• If speed is over 2.5 m/s, please contact our Sales representative for more detail.
(*) Lưu ý:
• Chiều cao phòng máy: 2500mm
• Nếu tốc độ lớn hơn 2.5 m/s, vui lòng liên hệ với bộ phận bán hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết.



Shaft Vertical View



Shaft Layout



Machine Room Layout

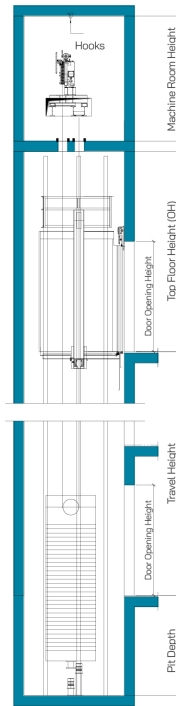
Elevator has machine room (Side Counterweight) Thang Máy có phòng máy (Đối trọng bên)

Load (kg)	Speed (m/s)	Open Width "CO/SO" (mm)	Door Height (mm)	Car Size (mm) WxDxH	Shaft size (mm) WxD	OH Min (mm)	Pit Min (mm)	Max Travel Height (m)	Motor Rated Power (kW)	Rated current (A)
800kg	1.0	800	2100	1000x2000x2500	1850x2400 (CO door)	4150	1300	50	5.3	12
	1.5					4250	1400	80	8	21
	1.75					4350	1450	80	9.3	21
1000kg	1.0	900	2100	1100x2100x2500	2050x2500 (CO door)	4150	1300	50	6.6	15
	1.5					4250	1400	80	10	25
	1.75					4350	1450	80	11.6	27
	2.0					4450	1550	100	13.6	31
	2.5					4700	1700	120	16.7	39.8
1150kg	1.0	1000	2100	1200x2200x2500	2300x2600 (CO door) 2100x2700 (SO door)	4150	1300	50	6.6	15
	1.5					4250	1400	80	10	25
	1.75					4350	1450	80	11.6	27
	2.0					4450	1550	100	13.6	31
	2.5					4700	1700	120	16.7	39.8
1250kg	1.0	1000	2100	1300x2200x2500	2300x2600 (CO door) 2100x2700 (SO door)	4150	1300	50	8.4	20
	1.5					4250	1400	80	12.5	30.6
	1.75					4350	1450	80	14.6	33.5
	2.0					4450	1550	100	16.7	38.6
	2.5					4700	1700	120	20.8	48
1350kg	1.0	1100	2100	1300x2300x2500	2450x2700 (CO door) 2200x2800 (SO door)	4150	1300	50	9.3	22
	1.5					4250	1400	80	14	38
	1.75					4350	1450	80	16.4	40
	2.0					4450	1550	100	18	43
	2.5					4700	1700	120	22.6	51.8
1600kg	1.0	1100	2100	1400x2400x2500	2500x2800 (CO door) 2300x2900 (SO door)	4150	1300	50	11.1	26
	1.5					4250	1400	80	16.6	45
	1.75					4350	1450	80	19.4	47
	2.0					4450	1550	100	21.4	51
	2.5					4700	1700	120	26.7	62.5
1800kg	1.0	1200	2100	1500x2500x2500	2600x2900 (CO door) 2400x3000 (SO door)	4600	1500	50	13.3	29
	1.5					4700	1550	80	20	50
	1.75					4800	1650	80	23.3	50
	2.0					4850	1700	100	26.6	57
	2.5					5100	1850	120	34.5	75

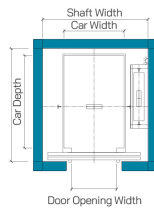
(*) H: Floor to Ceiling
H: từ Sàn tới Trần giả

TCVN 6396-20 / EN 81-20

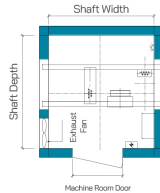
- (*) Note:
- Machine Room Height: 2500mm
 - If speed is over 2.5 m/s, please contact our Sales representative for more detail.
- (*) Lưu ý:
- Chiều cao phòng máy: 2500mm
 - Nếu tốc độ lớn hơn 2.5 m/s, vui lòng liên hệ với bộ phận bán hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết.



Shaft Vertical View



Shaft Layout



Machine Room Layout

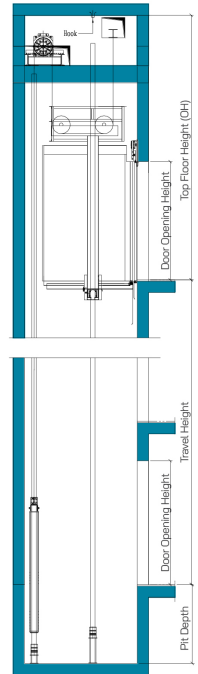
Elevator has not machine room (Rear Counterweight) Thang Máy không phòng máy (Đối trọng sau)

Load (kg)	Speed (m/s)	Central Open Width (mm)	Door Height (mm)	Car Size (mm) WxDxH	Shaft size (mm) WxD	OH Min (mm)	Pit Min (mm)	Max Travel Height (m)	Motor Rated Power (kW)	Rated current (A)
450kg	1.0	700	2100	1000x1200x2400	1750x1850	4550	1300	50	2.7	8
	1.5					4650	1400	80	4.3	12.5
	1.75					4750	1450	80	5	12.5
630kg	1.0	800	2100	1200x1300x2400	1800x1950	4550	1300	50	3.8	11
	1.5					4650	1400	80	6	17
	1.75					4750	1450	80	7	17
800kg	1.0	800	2100	1350x1400x2400	1950x2050	4550	1300	50	4.8	13.5
	1.5					4650	1400	80	7.6	22
	1.75					4750	1450	80	8.1	22
1000kg	1.0	900	2100	1600x1400x2400	2100*2050	4550	1300	50	6.1	16.5
	1.5					4650	1400	80	9.5	26
	1.75					4750	1450	80	11.1	26
1150kg	1.0	1000	2100	1600x1600x2400	2250x2250	4850	1500	100	12.7	30.5
	1.5					4550	1300	50	7	19
	1.75					4650	1400	80	10.5	28.5
1250kg	1.0	1000	2100	1700x1600x2400	2300x2350	4750	1450	80	12.3	28.5
	1.5					4850	1500	100	14	32
	1.75					4700	1300	50	9.2	21
1350kg	1.0	1100	2100	1800x1600x2400	2450x2350	4800	1400	80	13.8	34
	1.5					4900	1450	80	16.1	34
	1.75					5000	1500	100	18.4	39
1600kg	1.0	1100	2100	1950x1750x2400	2550x2500	5250	1700	120	23	50
	1.5					4750	1300	50	9.2	21
	1.75					4800	1400	80	13.8	34
1800kg	1.0	1200	2100	2150x1800x2400	2750x2650	4900	1450	80	16.1	34
	1.5					5000	1500	100	18.4	39
	1.75					5250	1700	120	23	50
	2.0					4750	1300	50	11	25
	2.5					4800	1400	80	16.6	41
	2.5					4900	1450	80	19.4	47
	1.0					5000	1500	100	22.2	47
	1.5					5250	1700	120	27.8	60
	1.75					5500	1500	50	13.3	29
	1.0					5600	1550	80	20	50
	1.5					5700	1650	80	23.3	50
	1.75					5800	1700	100	26.6	57
	2.0					6100	1850	120	34.5	75
	2.5									
	2.5									

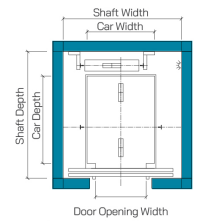
(*) H: Floor to Ceiling
H: từ Sàn tới Trần giả

TCVN 6396-20 / EN 81-20

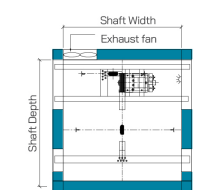
- (*) Note:
- If speed is over 2.5 m/s, please contact our Sales representative for more detail.
- (*) Lưu ý:
- Nếu tốc độ lớn hơn 2.5 m/s, vui lòng liên hệ với bộ phận bán hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết.



Shaft Vertical View



Shaft Layout



Shaft Head Layout

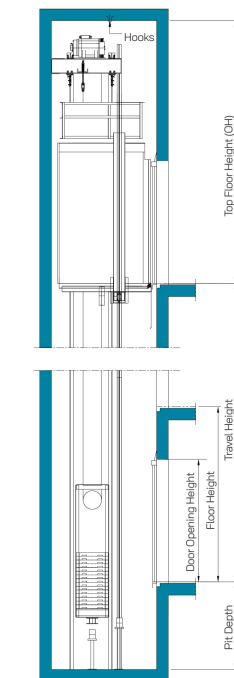
Elevator has not machine room (Side Counterweight) Thang Máy không phòng máy (Đối trọng bên)

Load (kg)	Speed (m/s)	Central Open Width (mm)	Door Height (mm)	Car Size (mm) WxDxH	Shaft size (mm) WxD	OH Min (mm)	Pit Min (mm)	Max Travel Height (m)	Motor Rated Power (kW)	Rated current (A)
450kg	1.0	700	2100	1000x1200x2400	1800x1700	4000	1300	50	3.0	8.5
	1.5					4100	1400	80	4.5	13
	1.75					4150	1450	80	5.3	13
630kg	1.0	800	2100	1200x1300x2400	2000x1700	4000	1300	50	4.3	11
	1.5					4050	1400	80	6.4	16.5
	1.75					4150	1450	80	7.4	16.5
800kg	1.0	800	2100	1350x1400x2400	2150x1800	4150	1300	50	5.3	12
	1.5					4200	1400	80	8	21
	1.75					4300	1450	80	9.3	21
1000kg	1.0	900	2100	1600x1400x2400	2400x1800	4150	1350	50	6.6	15
	1.5					4250	1400	80	10	25
	1.75					4300	1450	80	11.6	27
	2.0				2500x1800	4450	1500	100	13.6	31
	2.5					4950	1700	120	16.7	39.8
1150kg	1.0	1000	2100	1600x1600x2400	2550x2000	4200	1350	50	7.7	18.2
	1.5					4250	1400	80	11.5	28.4
	1.75					4350	1450	80	13.5	32.2
	2.0					4500	1500	100	15.4	36
	2.5					4900	1700	120	19.2	47
1250kg	1.0	1000	2100	1700x1600x2400	2650x2000	4200	1350	50	8.4	20
	1.5					4250	1400	80	12.5	30.6
	1.75					4300	1450	80	14.6	33.5
	2.0					4650	1500	100	16.7	38.6
	2.5					5000	1700	120	20.8	48
1350kg	1.0	1100	2100	1800x1600x2400	2750x2000	4200	1350	50	9.3	22
	1.5					4250	1400	80	14	38
	1.75					4300	1450	80	16.4	40
	2.0					4500	1500	100	18	43
	2.5					4800	1700	120	22.6	51.8
1600kg	1.0	1100	2100	1950x1750x2400	2900x2150	4200	1350	50	11.1	26
	1.5					4250	1400	80	16.6	45
	1.75					4300	1450	80	19.4	47
	2.0					4500	1500	100	21.4	51
	2.5					4800	1700	120	26.7	62.5
1800kg	1.0	1200	2100	2150x1800x2400	3150x2200	4600	1500	50	13.3	29
	1.5					4700	1550	80	20	50
	1.75					4800	1650	80	23.3	50
	2.0					5000	1700	100	26.6	57
	2.5					5200	1850	120	34.5	75

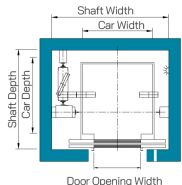
(*) H: Floor to Ceiling
H: từ Sàn tới Trần giả

TCVN 6396-20 / EN 81-20

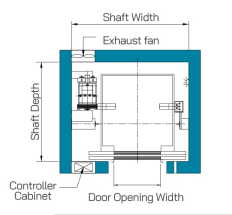
- (*) Note:
- If speed is over 2.5 m/s, please contact our Sales representative for more detail.
 - Lưu ý:
 - Nếu tốc độ lớn hơn 2.5 m/s, vui lòng liên hệ với bộ phận bán hàng của chúng tôi để biết thêm chi tiết.



Shaft Vertical View



Shaft Layout



Shaft Head Layout

Home Lift has not machine room Thang Máy Gia Đình không phòng máy

Duty Load (kg)	250	320	400
Rated Speed (m/s)	0.3	0.3	0.3
Car Dimension WxDxH (mm)	900x1050x2100	1000x1200x2100	1100x1300x2100
Shaft size WxD(mm)	1600x1500	1700x1600	1800x1700
Door Open Size WxH(mm)	700x2000	700x2000	800x2000
Door Opening Mode	Center Opening	Center Opening	Center Opening
Pit Depth (mm)	800	800	800
Top Floor Height (OH) (mm)	3000	3000	3000

The maximum travel height is 15m/Hành trình tối đa là 15m

1. Independent villa
2. Reinstallation to the old house
3. Indoor installation
4. Townhouse
5. Newly-built installation
6. Duplex apartment
7. Outdoor installation

Biệt thự đơn lập
Tái lắp đặt căn hộ cũ
Lắp đặt bên trong
Nhà phố
Lắp đặt hoàn toàn mới
Căn hộ song lập
Lắp đặt bên ngoài



Exclusive enjoyment of taste with extravagant charm Đặc quyền trải nghiệm phong vị của sự xa hoa

It is known for the noble and fashionable decoration; it is famous for strong visual beauty; and it is appreciated for the exquisite use of materials and excellent manufacturing technology.

Những thiết kế này được biết đến với sự quý phái và thời thượng; cuốn hút thị giác với vẻ đẹp đường nét, và nó được đánh giá cao trong việc sử dụng vật liệu một cách tinh tế cũng như công nghệ sản xuất tuyệt vời.

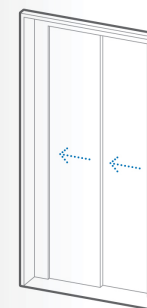
Alternative door styles, different choice Kiểu cửa khác nhau, đa dạng chọn lựa

Various open modes for customers to choose. Personalized mode can be designed according to customer requirements for usage.

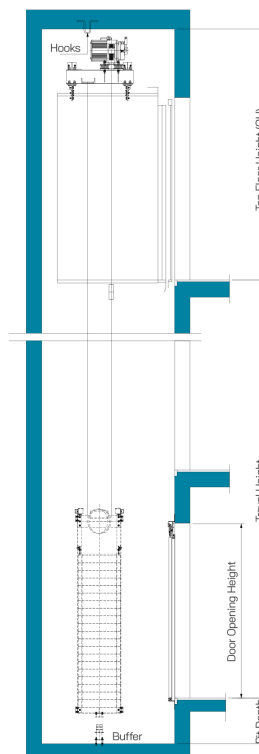
Nhiều hình thức mở cửa thang máy khác nhau để khách hàng lựa chọn. Hình thức cá nhân hóa có thể được thiết kế theo yêu cầu của khách hàng.



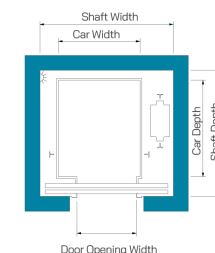
CENTER - OPENING
Cửa mở tự động từ tâm



SIDE - OPENING
Cửa mở tự động một hướng



Shaft Vertical View



Shaft Layout

S: Standard Functions Chức năng tiêu chuẩn O: Optional Functions Chức năng tùy chọn

Safety Protection Sự bảo vệ an toàn

Over/Under Voltage Protection (Power Grid Fluctuation Resisting) Bảo vệ Quá áp/ Sụt áp (Chống biến động lưới điện)	S
3-Phase Sequence Detection (Phase Sequence Mistake Protection) Kiểm tra thứ tự pha (Chống ngược thứ tự pha)	S
Device Short Circuit Protection (Breaker Protection) Thiết bị bảo vệ ngắn mạch (Cầu dao bảo vệ)	S
Motor Overheating Protection Bảo vệ quá nhiệt động cơ	S
Light Curtain Detection Màn tia hồng ngoại	S
Overload Detection (Running stop and alarm when overload) Nhận biết quá tải (Dừng vận hành và báo động khi quá tải)	S
Overspeed Detection (Emergency stop when over speed) Chống vượt tốc (Dừng khẩn cấp khi vượt tốc độ định mức)	S
Automatic Recognition of Running Direction in case of Power Failure Tự động xác định hướng chạy trong trường hợp mất điện	S
S-Way Communication Liên lạc S chiều	S
Re-leveling Cân bằng tầng	S
Emergency Light in case of Power Failure Đèn chiếu sáng khẩn cấp	S
Emergency Intercom and Alarm Liên lạc và báo động trong trường hợp khẩn cấp	S
Earthquake Evacuation Sơ tán khi động đất	O
Intelligent activation of Emergency Power Supply Kích hoạt thông minh nguồn điện khẩn cấp	O
Fire Evacuation Sơ tán hỏa hoạn	O
Fireman Running Chế độ vận hành cứu hỏa	O
Elevator Lock Function Chức năng khóa thang máy	O
Automatic Rescue System in case of Power Failure Hệ thống cứu hộ tự động khi gặp sự cố mất điện	O

Group Control Running

Kiểm soát vận hành nhóm

Automatic Disconnection from Group Control at Fault Tự động ngắt kết nối khỏi điều khiển nhóm khi gặp lỗi	S
Peak Run Function Chức năng vận hành cao điểm	O
Dynamic Parking Levels in Elevator Groups Linh hoạt tầng dừng cho nhóm thang máy	O
Take out Elevators of Group Function Chức năng tách thang máy khỏi nhóm	O

Control Function

Chức năng điều khiển

Full Selective Operation Đáp ứng tất cả lệnh gọi khi thang đang vận hành	S
Door Opening Time Setting Cài đặt thời gian mở cửa	S
Door Open Holding Time Cài đặt thời gian giữ cửa mở	S
Selectable Parking Landing Tùy chọn tầng chờ	S
Main Floor Parking Trở lại tầng chờ đã được chọn khi không sử dụng	S
Door Closing Button Nút đóng cửa	S
Door Control Selection Function Điều chỉnh giao thức vận hành cửa	S
Compulsory Stop Dừng bắt buộc	S
Forced Door Closing Bắt buộc đóng cửa	O

Comfortable / Convenient / Intelligent Thoải mái / Tiện lợi / Thông minh

Floor Selection Cancellation Hủy lựa chọn tầng	S
Recognition of "Frozen" Push Buttons Nhận diện nút nhấn bị kẹt	S
Algorithm for Optimized Driving Curve Thuật toán để tối ưu hóa độ cong hành trình	S
"Elevator Full" - Function: Non-Stop Run to Destination Chức năng "Elevator Full": Chạy không dừng tới đích	S
Two Doors Independent Control Kiểm soát độc lập hai cửa	S
Leveling Optimization by Parameters Adjustment Tối ưu hóa dừng tầng bằng điều chỉnh tham số	S
Starting Torque: Automatic Compensation for Drive Mô-men khởi động: tự động bù bằng biến tần	S
Direct Approach in Landing Dừng tầng nhanh	S
Noise Optimized Motor Current Feed Tối ưu dòng điện cấp cho động cơ	S
RFID card reader in the car Đầu đọc thẻ từ trong thang máy	O
Additional Power Supply in the car Nguồn điện phụ cho thang máy	O
VIP Service Dịch vụ VIP	O
Advanced Door Opening Mở cửa sớm	O
Automatic Fault Message Tự động báo lỗi	O
Multiple Language Supported Hỗ trợ đa ngôn ngữ	O
Second Operation Panel Bảng điều khiển thứ hai	O

Energy-Saving | Tiết kiệm năng lượng

Idle door machine energy saving Tiết kiệm năng lượng vận hành chờ	S
Energy-Saving in the Car Tiết kiệm năng lượng trong cabin	O

Commissioning and Inspection

Vận hành và kiểm tra

New Motor Parameter teach-in Cài thông số động cơ mới	S
Shaft teach-in Học hành trình	S
Maintenance Operation Vận hành bảo trì	S
Floor Leveling by Intelligent Calibration Định vị tầng bằng hiệu chỉnh thông minh	S
Real Time Transmission of Running State Truyền tải thời gian thực của trạng thái vận hành	S
UCMP Test Function Chức năng kiểm tra thang chuyển động ngoài ý muốn	S
Continuous Operation in Case of Test Run Vận hành liên tục trong trường hợp chạy thử	S
Emergency Call from COP Gọi cứu hộ trên bảng điều khiển cabin	S
Car Top Socket Outlet Ổ cắm điện trên nóc thang máy	S
Pit Socket Outlet Ổ cắm điện dưới đáy hố thang	S
Intelligent Parameter and Data Transmission Truyền dữ liệu và thông số thông minh	S

Information Interaction

Tương tác thông tin

Car Arrival Gong Chuông báo dừng tầng	S
Voice Announcement Thông báo bằng giọng nói	O
Hall Lantern Đèn báo dừng tầng	O
LCD in Car Màn hình LCD trong thang máy	O
Internet Connected Elevator Kết nối internet thang máy	O
Colorful Buttons Nút bấm nhiều màu sắc	O

System Monitoring Hệ thống giám sát

Travel Counter Bộ đếm lượt đi	S
Running Time Counter Bộ đếm thời gian hoạt động	S
Error Stack Recording Chức năng ghi lỗi	S
Monitoring Chức năng giám sát	S
Access to Diagnostic on the Car Top Truy cập để chẩn đoán tình trạng trên nóc cabin	S
Detection on all Safety Circuit Switches Kiểm tra toàn bộ công tắc an toàn	S
Access to Diagnostic in Machine Room Truy cập để chẩn đoán tình trạng trong phòng máy	S
Cloud Based Network Monitoring System Hệ thống giám sát theo điện toán đám mây	O
Monitoring of Elevator availability Giám sát thang máy hiện hữu	O
Elevator Real-Time Monitoring Giám sát tình trạng thang máy theo thời gian thực	O
Monitoring Camera in Car Camera giám sát trong thang máy	O
Cloud Based Predictive Maintenance System Hệ thống dự đoán bảo trì theo điện toán đám mây	O
Tele-Assistance System Hệ thống trợ giúp từ xa	O

4P Center Opening Thang cửa mở tâm 4 cánh

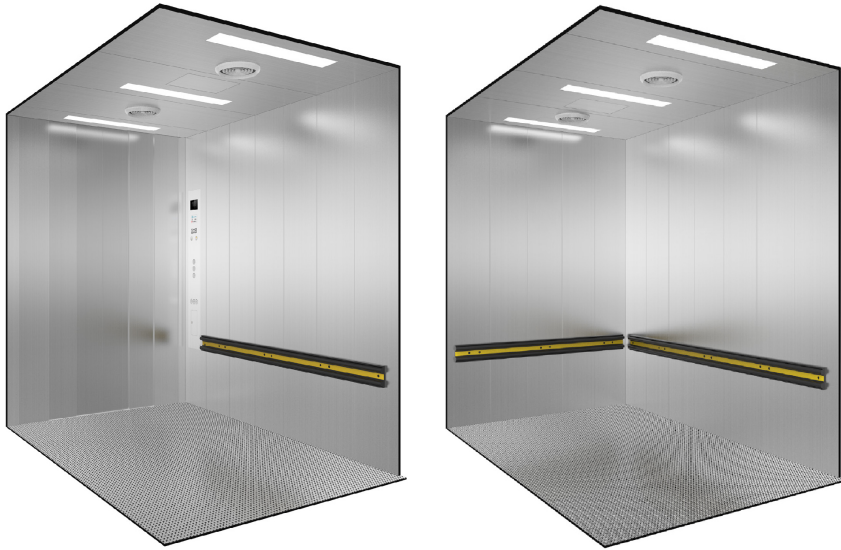


Car Ceiling Hairline STS / Painted Steel
Car Door Hairline STS / Painted Steel

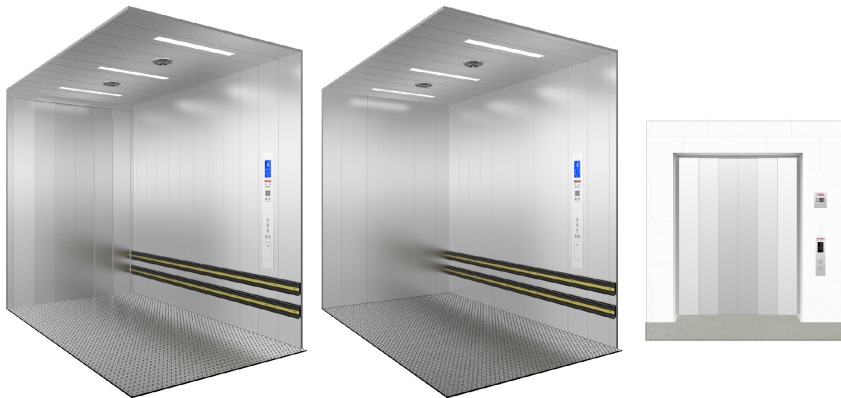
Car Panel Hairline STS / Painted Steel
Flooring Checkered stainless steel / Checkered steel plate/ Steel plate

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

6P Center Opening Thang cửa mở tâm 6 cánh



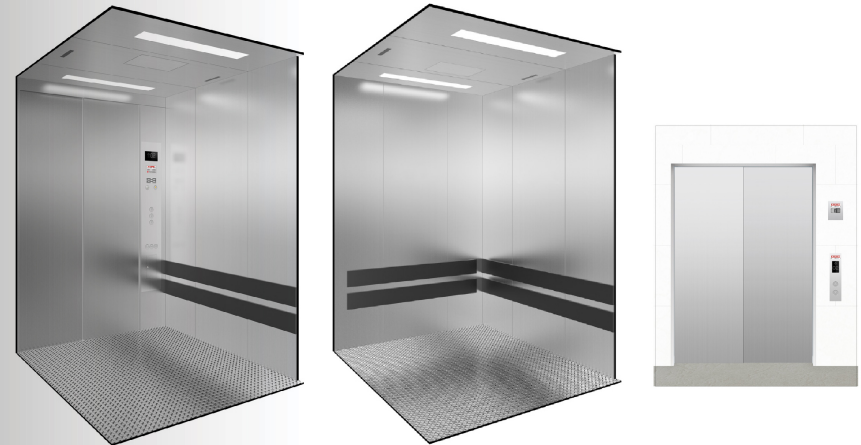
Car Elevator 6P CO Thang tải xe cửa mở tâm 6 cánh



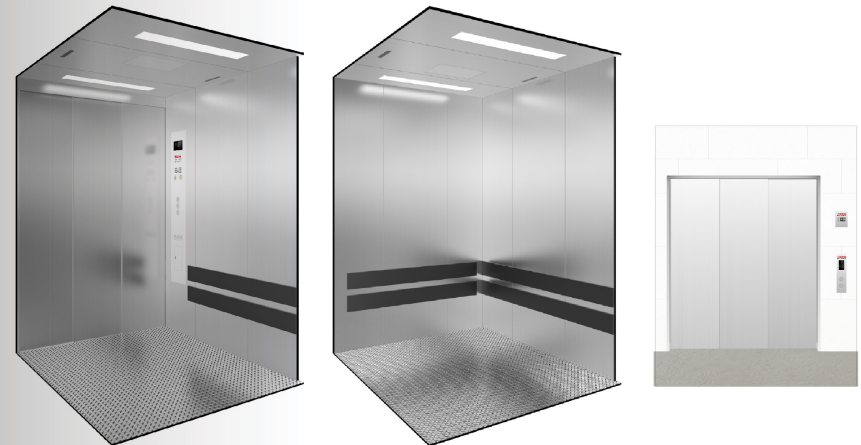
Car Ceiling Hairline STS / Painted Steel
Car Door Hairline STS / Painted Steel
Car Panel Hairline STS / Painted Steel
Flooring Checkered stainless steel / Checkered steel plate/ Steel plate

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

2P Side Opening Thang cửa mở lề ngang 2 cánh



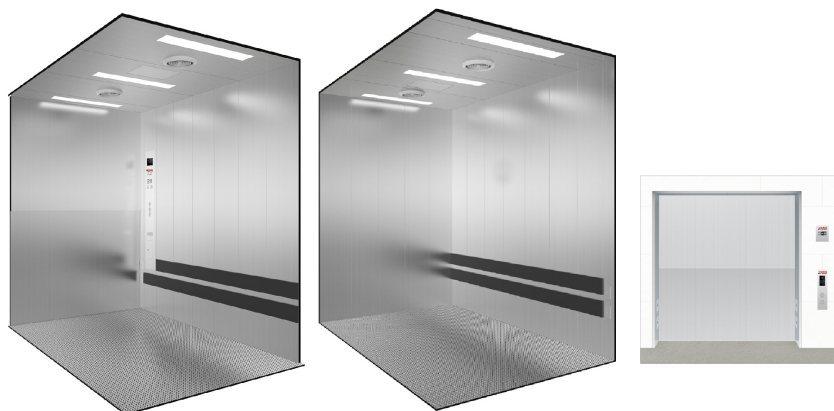
3P Side Opening Thang cửa mở lề ngang 3 cánh



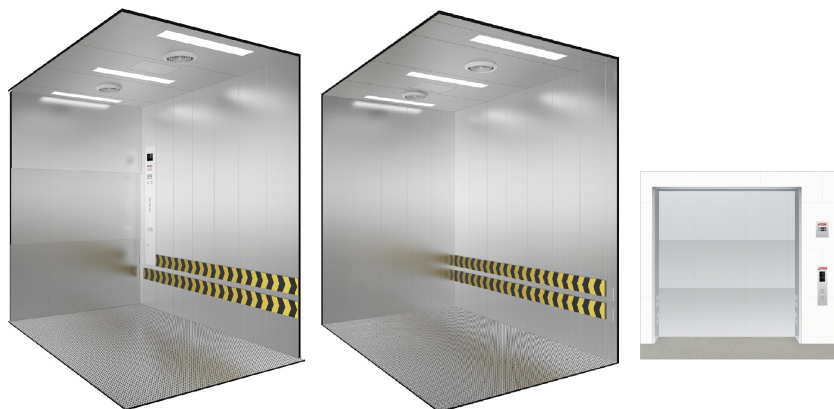
Car Ceiling Hairline STS / Painted Steel
Car Door Hairline STS / Painted Steel
Car Panel Hairline STS / Painted Steel
Flooring Checkered stainless steel / Checkered steel plate/ Steel plate

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

2P Up-Sliding Door Thang cửa mở lùa đứng 2 cánh



3P Up-Sliding Door Thang cửa mở lùa đứng 3 cánh



Car Ceiling Hairline STS / Painted Steel
Car Door Hairline STS / Painted Steel
Car Panel Hairline STS / Painted Steel
Flooring Checkered stainless steel / Checkered steel plate / Steel plate

* Lưu ý: Màu sắc vật liệu có thể khác minh họa, tùy theo sản xuất. Chúng tôi có quyền thay đổi mà không có bất kỳ thông báo nào, để chất lượng tốt hơn.

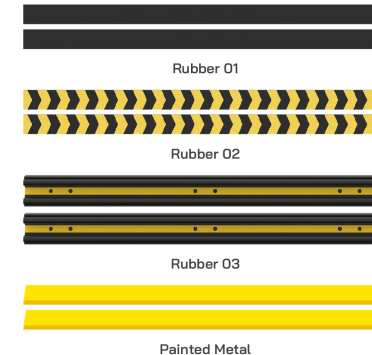
Signalization Hiển thị



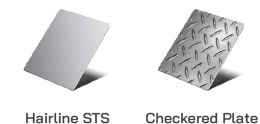
COP & LIOP
(with Hold button)
Hairline STS | Button KB01

COP & LIOP
(without Hold button)
Hairline STS | Button KB01

Bumper Thanh chống va



Material Vật liệu



Standard

Celling	Integrated type
Ventilating mode	Circular fan / Cross-flow fan
Car wall/ Car door	Hairline STS / Painted steel sheet
Illumination	LED lamp
Door opening mode	2P Side Opening 3P Side Opening 4P Center Opening 6P Center Opening 2P Up Sliding Door 3P Up Sliding Door
Flooring	Checkered stainless steel Checkered steel plate Steel plate
Sill	Steel

Permanent magnet synchronous traction machine
Máy kéo động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu



Low noise
Giảm ồn



Energy Saving
Tiết kiệm năng lượng



High Efficiency
Hiệu năng cao

* Note: The material color might be different subject to manufacturing. We reserve the right to change without any notice for better quality.

MR Freight Elevator

Load (kg)	Speed (m/s)	Central Open Width (mm)	Door Height (mm)	Opening Type	Car Size WxDxH (mm)	Shaft size WxD (mm)	Min. Floor Height (mm)	OH (mm)	Pit	Max. Travel Height (mm)	Machine room height (min) (mm)	
2000kg	0.5	1600	2100	2P Side Opening	1900x2200x2200	2900x2800	3000	4250	1500	25	2500	
		1600	2100	4 Panels Center Opening								
	1	1600	2100	2P Side Opening						1600		50
		1600	2100	4 Panels Center Opening								
3000kg	0.5	1800	2100	2P Side Opening	2200x2600x2200	3300x3200	3000	4250	1500	25		
		1800	2100	4 Panels Center Opening		3300x3250			1600			
	1	1800	2100	2P Side Opening		3300x3200			1500	50		
		1800	2100	4 Panels Center Opening		3300x3250			1600			
3500kg	0.5	2200	2100	6 Panels Center Opening	2300x2800x2200	3600x3500	3000	4400	1600	25		
	1											
5000kg	0.5	2000	2100	4 Panels Center Opening	2500x3500x2200	3700x4100	3000	4500	1600	25		
		2300		6 Panels Center Opening		3700x4150						
	1	2500	2200	2 Panels Up sliding door		3700x4100	4400		1700	50		
				3 Panels Up sliding door		3700x4200	4200					

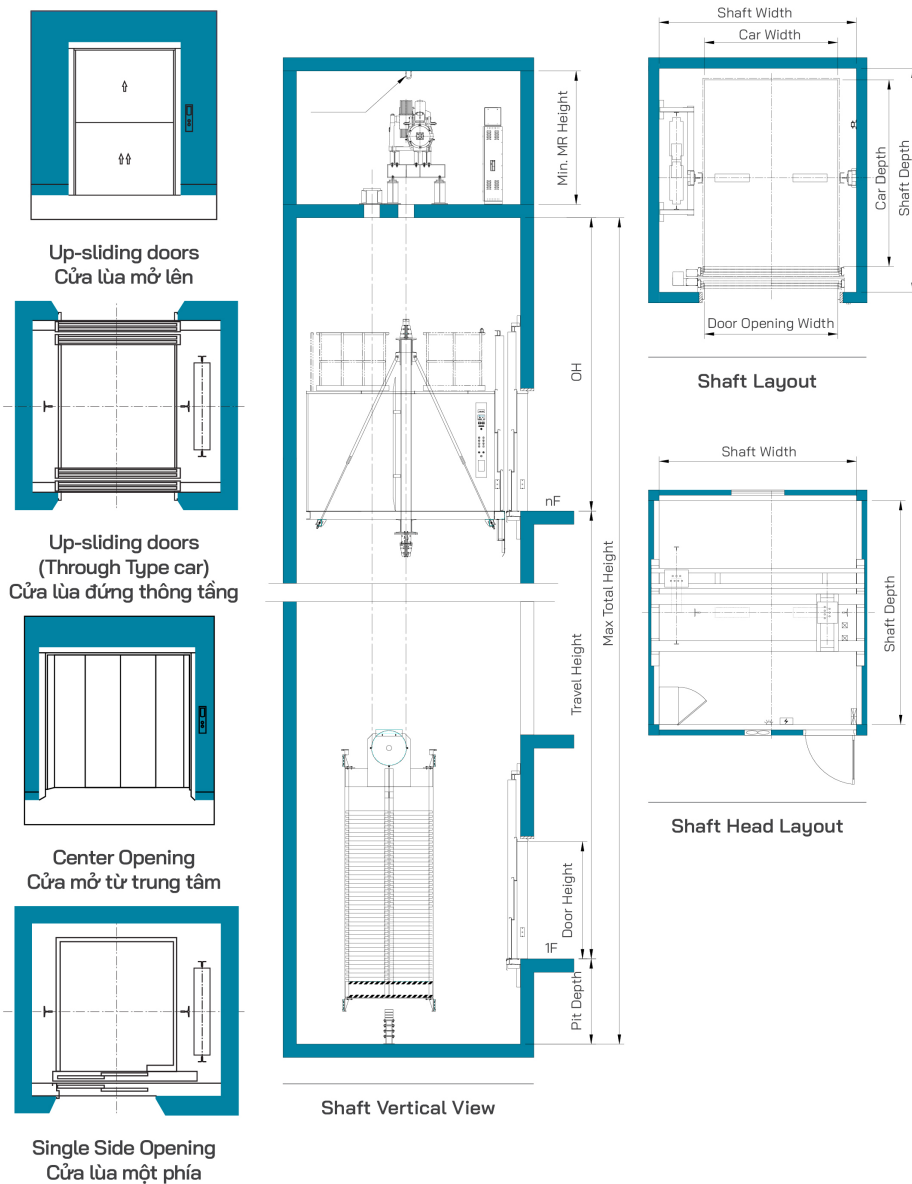
MRL Freight Elevator

Load (kg)	Speed (m/s)	Central Open Width (mm)	Door Height (mm)	Opening Type	Car Size WxDxH (mm)	Shaft size WxD (mm)	Min. Floor Height (mm)	OH (mm)	Pit	Max. Trav. Height (mm)	
2000kg	0.5	1600	2100	2P Side Opening	1900x2200x2200	2900x2800	3000	4900	1500	25	
		1600	2100	4 Panels Center Opening							
	1	1600	2100	2P Side Opening					1600	50	
		1600	2100	4 Panels Center Opening							
3000kg	0.5	1800	2100	2P Side Opening	2200x2600x2200	3300x3200	3000	5200	1500	25	
		1800	2100	4 Panels Center Opening		3300x3250		5300	1600		
	1	1800	2100	2P Side Opening		3300x3200		5200	1500	50	
		1800	2100	4 Panels Center Opening		3300x3250		5300	1600		
3500kg	0.5	2200	2100	6 Panels Center Opening	2300x2800x2200	3600x3500	3000	5400	1600	25	
1											
5000kg	0.5	2000	2100	4 Panels Center Opening	2500x3500x2200	3700x4100	3000	5400	1600	25	
		2300		6 Panels Center Opening		3700x4150					
	1	2500	2200	2 Panels Up sliding door		3700x4100	4400		5500	1700	50
				3 Panels Up sliding door		3700x4200					

(*) Shaft size: Not applied fireproof door | Kích thước giếng thang: Không áp dụng cửa chống cháy

MR Car Elevator (Single Entrance)

Load (kg)	Speed (m/s)	Central Open Width (mm)	Door Height (mm)	Opening Type	Car Size WxDxH (mm)	Shaft size WxD (mm)	Min. Floor Height (mm)	OH (mm)	Pit (mm)	Max. Travel Height (mm)
2500kg	0.5	2400	2100	6 Panels Center Opening	2600x5500x2100	4000x6200	3000	4800	1600	25
		2600		3 Panels Up sliding door	2600x5500x2100	3800x6200	3900			40
	0.75	2400		6 Panels Center Opening	2600x5500x2100	4000x6200	3000		1700	25
		2600		3 Panels Up sliding door	2600x5500x2100	3800x6200	3900			40
3000kg	0.5	2500	2500	6 Panels Center Opening	2700x6000x2500	4100x6700	3400	5200	1600	25
		2700		3 Panels Up sliding door		3900x6700	4300			40
	0.75	2500		6 Panels Center Opening		4100x6700	3400		1700	25
		2700		3 Panels Up sliding door		3900x6700	4300			40





Trong thời gian bảo hành hệ thống thang máy cho Quý khách, chúng tôi sẽ định kỳ tiến hành bảo trì bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thang máy theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật để nhằm đảm bảo tốt nhất tuổi thọ và an toàn, độ ổn định của hệ thống thang máy. Bên cạnh đó là việc trực sửa chữa 24/24 tất cả các ngày trong tuần sẽ giúp Quý khách có thể hoàn toàn yên tâm khi sử dụng thang máy.

Sau khi hết thời gian bảo hành chúng tôi sẽ cung cấp đến Quý khách gói dịch vụ bảo trì bảo dưỡng định kỳ để tiếp tục duy trì công việc đều đặn.

Loại hình hợp đồng dịch vụ bảo trì

1. Bảo trì tiêu chuẩn (Bảo trì không bao thiết bị):

Hàng tháng chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra và thực hiện các công việc theo danh mục đã nêu trong kế hoạch bảo trì thang máy theo quy chuẩn của nhà sản xuất.

Nếu có bất kỳ hỏng hóc nào liên quan đến thiết bị thang máy, bộ phận bảo trì của chúng tôi sẽ gửi báo cáo sự việc và nêu rõ nguyên nhân dẫn đến tình trạng này và những đề xuất thay thế đến Quý khách được rõ. Chúng tôi sẽ lập tức thay thế những thiết bị hư hỏng này ngay sau khi nhận được sự đồng ý của Quý khách. Vì thế, Quý khách hoàn toàn an tâm về dịch vụ bảo trì thang máy của chúng tôi.

2. Bảo trì trọn gói (Bảo trì bao thiết bị):

Hàng tháng chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra và thực hiện các công việc theo danh mục đã nêu trong kế hoạch bảo

trì thang máy theo quy chuẩn của nhà sản xuất.

Khi Quý khách lựa chọn hình thức này, Công ty chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm thay thế tất cả các linh kiện khi có bất kỳ sự cố hư hỏng nào xảy ra (Quý khách không cần thanh toán thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác).

Dịch vụ bảo trì phục vụ 24/24 giờ của chúng tôi sẽ đáp ứng ngay khi nhận được yêu cầu của Quý khách hoặc tư vấn qua điện thoại nếu Quý khách yêu cầu (Do kỹ sư thang máy đảm nhiệm).

Công việc bảo trì:

Quy trình bảo trì được thực hiện theo các tiêu chí của luật an toàn TCVN do nhà nước ban hành và các nhân viên bảo trì được đào tạo chuyên sâu. Có rất nhiều các hạng mục cần bảo trì và các chi tiết máy cần được bảo dưỡng, bao gồm cả các hạng mục cần sửa chữa căn chỉnh cơ khí và điện điều khiển, các thiết bị cần thay thế....



Service

Bảo trì - Sửa chữa - Nâng cấp

Hotline: 033.888.1002

